

TÌM HIỂU VỀ THỰC TRẠNG AN NINH KHU VỰC ĐÔNG Á

TS. NGUYỄN THANH HIỂN

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Bàn về khái niệm khu vực Đông Á vẫn có những quan điểm khác nhau trong giới học giả thế giới. Theo định nghĩa trong Từ điển Bách khoa thư thì “Đông Á là một phần của vành đai núi lửa quanh Thái Bình Dương và của máng te-tít cũ chạy từ sơn nguyên Tiểu Á đến quần đảo Mã Lai”. Từ điển Bách khoa thư Việt Nam thì giải thích Đông Á là một phần lục địa châu Á, giáp Thái Bình Dương, thuộc ôn đới, cận nhiệt đới và nhiệt đới (từ 20 độ - 60 độ vĩ bắc). Phần đất liền chủ yếu thuộc nền Trung Hoa và khu uốn nếp Trung Sinh. Ngoài đất liền còn quần đảo Kuril, Sakhalin, Nhật Bản, Đài Loan. Các nước ở Đông Á gồm miền Viễn Đông của Nga, Trung Hoa, Nhật Bản, CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc.

Với những định nghĩa khác nhau về vùng Đông Á như vậy cho nên quan niệm về Đông Á của các nhà nghiên cứu cũng rất khác nhau. Có trường phái cho rằng Đông Á chỉ bao gồm các nước và vùng lãnh thổ thuộc tiểu khu vực Đông Bắc Á. Quan điểm của chúng tôi khi nói đến Đông Á là nói đến cả hai tiểu khu vực là Đông Bắc Á gồm các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên, vùng Viễn Đông của Nga, một số vùng lãnh thổ và một số quần đảo khác; Đông Nam Á với toàn bộ 11 quốc gia nằm trong đó, cụ thể là Brunây, Campuchia, Đông Timo, Indônêxia, Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Thái Lan, Việt Nam và Xinhgapo.

Khái niệm an ninh hiện nay cũng được hiểu rất đa dạng, thường bao gồm cả an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên vấn đề an ninh được bàn đến trong bài viết này chủ yếu là an ninh quân sự truyền thống.

Với giới hạn về không gian và lĩnh vực như vậy bài viết sẽ đi vào phân tích thực trạng an ninh của khu vực Đông Á.

Thực trạng an ninh của khu vực Đông Á hiện nay được thể hiện qua hai đặc điểm cơ bản: Thứ nhất, Đông Á là khu vực an ninh không chắc chắn và thứ hai, Đông Á chưa có một cơ chế an ninh thống nhất.

1. An ninh khu vực không chắc chắn

Sở dĩ nói an ninh ở đây không chắc chắn là vì khu vực này chứa đựng nhiều mâu thuẫn, điểm nóng, tồn tại sự nghi kỵ truyền thống giữa nhiều quốc gia và có xu hướng tăng cường lực lượng quân sự, phát triển vũ khí hạt nhân với tốc độ nhanh nhất thế giới.

Về mâu thuẫn một trong những mâu thuẫn tiềm ẩn nguy cơ xung đột trong khu vực là vấn đề tranh chấp lãnh thổ, đường biên giới giữa nhiều nước trong khu vực: tranh chấp giữa Nga và Nhật Bản 4 hòn đảo thuộc quần đảo Kuril, giữa Trung Quốc và Nhật Bản hòn đảo Điếu Ngư, sự tranh chấp song phương về biên giới giữa các nước Đông Nam Á như Malaixia và Philippin, Mianma và Thái Lan, Indônêxia và Malaixia.

Về điểm nóng thì trong khu vực Đông Á tập trung đến 3 điểm nóng của thế giới, đó là vùng biển Đông, bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan và tất cả các điểm

nóng này nếu xử lý không khéo đều có thể dẫn đến tình trạng bất ổn trong khu vực.

Trước hết nói về *Biển Đông* có thể thấy rằng các lực lượng chủ đạo tại khu vực Biển Đông có ASEAN, Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga và EU. Hiện thời các bên đều mong muốn tránh xung đột, tiến hành hợp tác và không muốn khu vực này mất khống chế. Tuy nhiên, chỉ tính đến các vấn đề đóng quân, dầu khí, tranh chấp nguồn cá nơi đây đã có thể trở thành một trong những vùng dễ nổ ra vấn đề xung đột an ninh trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (CATBD), bởi các bên tranh chấp chủ quyền ở đây đều quan tâm đến chủ quyền hải đảo, vùng kinh tế độc quyền, khai thác dầu khí, còn quốc tế thì quan tâm đến đường vận tải tự do trên biển, an ninh vận tải, môi trường sinh thái biển, hợp tác khai thác tài nguyên và cơ chế xây dựng lòng tin. Vấn đề khó giải quyết nhất, phức tạp, gay gắt nhất và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh khu vực là quần đảo Trường Sa (Trung Quốc gọi là Tây Sa), nó liên quan đến Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam, Philippin, Malaisia và Brunây, tiếp đó là quần đảo Hoàng Sa (Trung Quốc gọi là Nam Sa). Qua nghiên cứu người ta phát hiện lòng chảo trầm tích vùng biển Trường Sa có tiềm năng khai thác lớn, có trữ lượng dầu khoảng 2 tỷ thùng và có trữ lượng khí còn lớn hơn dầu thô.

Các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ở biển Đông đều chứa đựng nguy cơ va chạm giữa Trung Quốc với một số nước Đông Nam Á trong việc tiếp cận những nguồn năng lượng tiềm tàng có giá trị ở dưới đáy biển khi mà Trung Quốc coi vùng biển này như một di sản dân tộc chính đáng của mình. Hai vùng quần đảo này vừa có nguồn tài nguyên thiên nhiên dự trữ rất phong phú, lại vừa có vị trí địa chiến lược vô cùng quan trọng bởi chúng nằm trên tuyến đường giao thông thuận tiện giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Các thập niên gần đây sự tranh chấp chủ quyền tại đây càng trở nên mạnh mẽ và phức tạp. Trung Quốc liên

tục đưa quân đánh chiếm, “hợp thức hoá” từng bộ phận các hòn đảo lớn nhỏ. Năm 1992, thông qua Luật Biển, Trung Quốc đã tuyên bố toàn bộ các đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc với tổng diện tích đất và biển lên tới 3 triệu km vuông¹. Vấn đề tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ hai hòn đảo này vẫn tiếp tục là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ quốc tế.

Vùng biển Đông còn có những eo biển quan trọng tạo nên những tuyến giao thông yết hầu chiến lược, đồng thời cũng tạo thành những cứ điểm yết hầu về quân sự. Cùng với việc đòi chủ quyền ở khu vực biển Đông các quốc gia xung quanh đều chú trọng phát triển sức mạnh quân sự nhằm bảo vệ lợi ích thiết thân của mình. Khu vực này thường có các cuộc diễn tập quân sự của nhiều nước, trong đó đặc biệt là hải quân Mỹ thường xuyên qua lại nơi đây.

Một bước tiến mới đã đạt được trong quan hệ của Trung Quốc với các nước ASEAN về vấn đề biển Đông khi Trung Quốc đã ký với các nước này bản Tuyên bố chung về cách ứng xử tại biển Đông ngày 4 tháng 11 năm 2001 nhân Hội nghị thượng đỉnh ASEAN tại Campuchia. Mặc dù có nhiều bình luận khác nhau xung quanh sự kiện này song cũng phải thừa nhận rằng hành động này của Trung Quốc là một bộ phận trong chính sách đối ngoại ôn hoà chung của họ và tuyên bố này vì thế mà có những điểm tích cực: Nó giúp tạo ra sự hoà dịu trong quan hệ Trung Quốc- ASEAN, có tác dụng ngăn ngừa sự chiếm đóng và hoạt động của các bên liên quan tại vùng có tranh chấp; các bên ký kết khó có thể chối bỏ những nguyên tắc không sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp ở biển Đông; nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ quan hệ đa phương đã được đề ra. Còn nhiều hạn chế liên quan đến tuyên bố này, trong đó hạn

¹ Trần Hiệp, *ASEAN và vấn đề biển Đông*, Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội, 2002, số 3+4

chế lớn nhất là nó không phải là một hiệp ước mang tính chất pháp lý ràng buộc các bên có trách nhiệm thi hành, đồng thời văn kiện này cũng không đề cập đến vấn đề tranh chấp chủ quyền ở biển Đông. Do vậy, mâu thuẫn cơ bản nhất vẫn chưa giải quyết được, nguy cơ xung đột tổn hại đến an ninh khu vực vẫn luôn được duy trì một cách tiềm tàng.

Điểm nóng thứ hai là khu vực *bán đảo Triều Tiên* với cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Bắc Triều Tiên đang là tiêu điểm chú ý không chỉ của khu vực mà cả thế giới. Cuộc khủng hoảng hạt nhân này luôn gắn chặt với sự thăng trầm trong quan hệ Mỹ - Bắc Triều Tiên. Lần đầu tiên vào năm 1993- 1994 sự căng thẳng giữa hai bên đã được tháo gỡ khi Tổng thống Mỹ lúc đó là B. Clinton sang Bắc Triều Tiên và ký hiệp định với nội dung Bắc Triều Tiên dừng sản xuất vũ khí hạt nhân còn Mỹ giúp nước này xây dựng lò phản ứng nước nhẹ. Cuộc khủng hoảng lần thứ hai xảy ra vào tháng 10 năm 2002 khi Mỹ tuyên bố Bắc Triều Tiên sở hữu hạt nhân và đang tiếp tục sản xuất vũ khí hạt nhân nên Mỹ dừng Hiệp định năm 1993- 1994 đã ký với nước này. Còn Bắc Triều Tiên cũng rút khỏi hiệp ước, tuyên bố vận hành trở lại các cơ sở hạt nhân, tiếp tục xây dựng nhà máy điện nguyên tử, trục xuất thanh sát viên của Liên hiệp quốc và tuyên bố sẽ trả đũa Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ. Quan hệ quốc tế xung quanh vấn đề Bắc Triều Tiên năm 2003 lại căng thẳng tột độ. Nằm trong xu thế chung là hoà bình và đối thoại, các nước láng giềng của Bắc Triều Tiên, kể cả Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đều không ai muốn có chiến tranh. Do vậy một cuộc vận động của các nước lớn xung quanh vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên đã diễn ra rất tích cực, cuối cùng đạt được thoả thuận tiến hành Hội nghị 6 bên là Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Bắc Triều Tiên.

Nguyên nhân khiến Bắc Triều Tiên thúc đẩy kế hoạch phát triển vũ khí hạt

nhân là vì lo Mỹ và các nước xung quanh lật đổ chính quyền. Còn chính quyền Mỹ của Tổng thống Bush thì trước sau như một, giữ lập trường rất cứng rắn, không thương lượng trước khi Bắc Triều Tiên ngừng phát triển vũ khí hạt nhân. Mỹ lo ngại nếu trả tiền để đổi lấy việc Bắc Triều Tiên ngừng chương trình hạt nhân thì các nước đang phát triển có thể đua nhau phát triển vũ khí hạt nhân. Nếu khả năng nối lại đối thoại và thương lượng giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên không có thì quan hệ này chứa đựng những yếu tố vô cùng nguy hiểm.

Như vậy, vấn đề vũ khí hạt nhân của Bắc Triều Tiên là một vấn đề nóng ở Đông Bắc Á và nhạy cảm đối với toàn bộ khu vực Đông Á, giải quyết vấn đề này đòi hỏi rất nhiều nỗ lực và thiện chí của bản thân Bắc Triều Tiên, của các nước lớn và của cả cộng đồng quốc tế. Ai cũng nhận thức được sự cần thiết phải ngăn chặn nguy cơ bùng nổ chiến tranh trên toàn bộ bán đảo này bởi nếu cuộc chiến tranh mà nổ ra thì rất có thể nó sẽ lôi cuốn các nước lớn vào cuộc chiến.

Điểm nóng thứ ba là *vùng eo biển Đài Loan*. Eo biển này vẫn là nơi được đặt lên hàng đầu trong khu vực CATBD bởi tính chất nguy hiểm của nó. Nếu thế lực muốn Đài Loan độc lập phát triển lên với sự trợ giúp của nước ngoài, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản thì sẽ dẫn đến đụng độ giữa ba nước lớn Mỹ, Nhật, Trung bởi Trung Quốc coi vấn đề Đài Loan là công việc nội bộ của mình.

Yếu tố dễ gây thương tổn nhất đến quan hệ Mỹ- Trung cũng chính là vấn đề Đài Loan. Có những lý do vô cùng quan trọng trong cuộc tranh chấp Đài Loan mà các nhà chính trị quốc tế đã đưa ra. Có bình luận cho rằng về phía Mỹ, nếu Mỹ từ bỏ Đài Loan thì các nước trong khu vực, kể cả Nhật Bản rất có thể sẽ đứng về phía Bắc Kinh và đó sẽ là sự bắt đầu thời kỳ suy tàn của Mỹ. Về phía Trung Quốc, nếu để Đài Loan với đa số là người Trung Hoa tuyên bố độc lập thì Trung Quốc sẽ không

thể giữ chân được các tỉnh tự trị Tây Tạng và Tân Cương dân số đông đúc mà không phải là người Trung Hoa. Bên cạnh đó, hòn đảo này còn có lợi ích chiến lược rất lớn: chiếm được nó là kiểm soát được lối ra vào biển Trung Hoa, nơi qua lại của hàng nghìn tàu biển, kiểm soát được việc cung cấp dầu lửa của Nhật Bản, chiếm được những vũ khí tinh xảo của phương Tây cung cấp cho Đài Loan, mang lại cho lục địa sức nặng kinh tế và tiềm năng kỹ thuật của hòn đảo này. Do vậy, không dễ mất Đài Loan là một vấn đề sống còn đối với các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Về sự nghi kỵ trong khu vực CATBD có thể thấy rõ ràng khác với các khu vực khác như châu Âu hay châu Mỹ, sự nghi kỵ của các nước châu Á trong khu vực này kéo dài một cách dai dẳng dường như không có hồi kết thúc. Mâu thuẫn Nhật - Nga với điểm mấu chốt là bốn hòn đảo thuộc quần đảo Kuril đã có lúc ảo tưởng giải quyết được vào cuối năm 2000, song trên thực tế nó đã trở lại nguyên như cũ. Quan hệ Trung - Nhật không thể xoá đi được vết hằn của lịch sử và do vậy, sự kiện sách giáo khoa ở Nhật Bản hay sự kiện viếng đền Yasukuni của các nguyên thủ quốc gia Nhật Bản lúc nào cũng là lý do để thổi bùng tình cảm chống Nhật của những người Trung Quốc. Rồi sự nghi kỵ giữa Nhật Bản và Hàn Quốc cũng chưa thể lu mờ mặc dù hiện nay cả hai nước này đều là những đồng minh chủ chốt của Mỹ ở CATBD. Sự nghi kỵ của nhiều nước ASEAN với Nhật Bản cũng như sự nghi ngại của các nước này với Trung Quốc là nguyên nhân để họ mong muốn Mỹ hiện diện trong khu vực là đối trọng. Những phức tạp, dích dắc trong quan hệ giữa Trung Quốc với Việt Nam, giữa Việt Nam với Campuchia ... cũng đều là những bài toán khó giải.

Về vấn đề chạy đua vũ trang thì cả Mỹ và hầu như mọi quốc gia trong khu vực CATBD đều có xu hướng tăng cường lực lượng quân sự.

Tất cả những lý do trên đã làm cho nền an ninh khu vực CATBD trở nên không chắc chắn, thiếu tin tưởng, tạo tâm lý bất an và thái độ luôn đề phòng của các quốc gia ở đây.

2. Cơ chế an ninh trong khu vực

Về vấn đề cơ chế an ninh trong khu vực Đông Á có thể thấy rõ ràng ở đây vẫn còn thiếu một cơ chế an ninh thống nhất cho toàn khu vực. Như trên đã nêu, sau Chiến tranh lạnh khu vực Đông Á vẫn còn nhiều điểm nóng do lịch sử để lại như vậy mà để giải quyết những điểm nóng đó đòi hỏi phải có những cơ chế điều hành vững chắc và có hiệu quả. Tuy nhiên, bức tranh an ninh khu vực này được tạo nên bởi những cơ chế an ninh đa dạng, cả song phương lẫn đa phương xen kẽ nhau. Người ta có thể thấy ở đây có những liên minh song phương (điển hình là Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ) và có cả những diễn đàn đối thoại an ninh đa phương (điển hình là Diễn đàn ARF của các nước ASEAN), song trên thực tế, sự hình thành và củng cố những cơ chế an ninh khu vực lại phụ thuộc khá nhiều vào liên minh Nhật - Mỹ và chưa có được một hệ thống đa phương đủ mạnh, hợp tác an ninh khu vực này vẫn mang tính phi chính thức.

Có nhiều lý do để các nước ASEAN và các nước Đông Bắc Á chưa hình thành được một cơ chế hợp tác an ninh chính thức và thống nhất: Nhìn vào lịch sử có thể thấy khu vực này chưa có lịch sử liên kết; Các nước trong khu vực khác nhau rất lớn về quy mô và sức mạnh, đồng thời còn nghi kỵ nhau; ảnh hưởng của Mỹ và mạng lưới quan hệ an ninh song phương của Mỹ với từng nước quá mạnh cũng là nhân tố cản trở các nước đưa ra sáng kiến nhằm liên kết toàn khu vực.

a. Cơ chế an ninh đa phương của khu vực CATBD:

Hiện nay có một số cơ cấu an ninh đa phương tương đối có ảnh hưởng về xây dựng biện pháp tin cậy trong khu vực, trong đó đặc biệt đáng chú ý là ARF.

Ý tưởng hình thành ARF (*Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN*) đã được khởi xướng tại Hội nghị thượng đỉnh cấp cao ASEAN lần thứ 4 tại Xingapo và được chính thức thành lập vào năm 1994 tại Băng Cốc. Đây là diễn đàn đối thoại và trao đổi về các vấn đề chính trị và an ninh ở khu vực, là cơ chế hợp tác về an ninh đa phương, có sự tham gia của ASEAN và cả các nước ngoài ASEAN. ARF đã lập ra Tổ công tác giữa các kỳ họp (ISG) và định ra các biện pháp xây dựng sự tin cậy tiến hành trong giai đoạn đầu như sau: Thứ nhất, tiến hành đối thoại về quan niệm an ninh giữa các nước thành viên, trong đó bao gồm tự nguyện ra tuyên bố về chính sách quốc phòng của mỗi nước, thông qua việc công bố "Sách trắng quốc phòng" để tăng thêm độ công khai... Thứ hai, khuyến khích các nước gia nhập chế độ đăng ký vũ khí thông thường của Liên hiệp quốc, tổ chức các hội thảo hàng năm về quốc phòng có các quan chức dân sự và quân sự tham gia².

ARF đã có một vai trò nhất định, tạo ra cho các nước một diễn đàn để bày tỏ ý kiến, tiến hành thương lượng, xây dựng niềm tin. Nó cũng có tác dụng kiềm chế và đối lập với quan hệ an ninh nước lớn trong khu vực Đông Á nói riêng và khu vực CATBD nói chung. Tuy nhiên, do lợi ích giữa các nước lớn cũng như các nước có quan hệ với nước lớn trong khu vực khác nhau nên vai trò của ARF về cơ chế hoá an ninh khu vực còn rất hạn chế. Nếu chỉ dừng lại kiểu hoạt động như bấy lâu nay thì ARF chỉ là một diễn đàn an ninh đa phương đúng như nghĩa thật và không thể trở thành một cơ chế giải quyết các vấn đề an ninh của khu vực.

Ngoài ra, khu vực CATBD còn có những cơ cấu đa phương khác như *Hội*

đồng hợp tác an ninh CATBD (CSCAP) với các nhóm công tác khác nhau như nhóm công tác an ninh hợp tác và tổng hợp, nhóm công tác biện pháp xây dựng tin cậy và an ninh, nhóm công tác an ninh trên biển và nhóm công tác Bắc Thái Bình Dương, năm 1997 có thêm nhóm chống phạm tội xuyên quốc gia. *Hội nghị hiệp thương hoà bình Đông Bắc Á, Đối thoại hợp tác an ninh Đông Bắc Á* cũng là những cơ chế đa phương về an ninh trong khu vực CATBD được hình thành trong các năm 1989 và 1997, song tác dụng của chúng vẫn còn rất hạn chế.

b. Cơ chế an ninh song phương của khu vực Đông Á:

Nhiều nhà phân tích cho rằng trật tự hiện nay ở khu vực này là trật tự một phần theo kiểu bá quyền dựa trên hệ thống liên minh song phương giữa Mỹ với Nhật Bản, với Hàn Quốc và với một số nước Đông Nam Á, trong đó Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ nổi bật lên như một cơ chế an ninh quan trọng nhất.

Liên minh Nhật - Mỹ được hình thành sau Chiến tranh Thế giới thứ hai có mục tiêu ban đầu là bảo đảm an ninh cho sự khôi phục của Nhật Bản trong khuôn khổ của chiến lược ngăn chặn của Mỹ. Liên minh này đã tồn tại trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh và được nâng lên một tầm mới thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh khi hai nước Nhật và Mỹ đã ký Tuyên bố chung ngày 17/ 4/ 1996 khẳng định sẽ duy trì liên minh này cho thế kỷ XXI và ngày 23/ 9/ 1997 đã thông qua Phương châm chỉ đạo an ninh mới thay cho phương châm cũ ký năm 1978. Có thể nói rằng trong thời kỳ Chiến tranh lạnh phương châm chỉ đạo của quan hệ hợp tác an ninh Nhật - Mỹ vẫn thiên về phòng vệ là chính, đồng thời sẵn sàng đáp lại đối phương nếu Nhật Bản bị tấn công. Sang thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh phương châm chỉ đạo mới ký năm 1997 giữa hai nước phản ánh một bước ngoặt mới, thể hiện những tính toán mang tầm chiến lược. Hai quốc gia

²Tào Văn Hà, Tạp chí "Kinh tế và Chính trị thế giới" Trung Quốc, tháng 11/ 2001, đăng trong "Tin tham khảo chủ nhật" ngày 3/ 2/ 2002, TTXVN, tr. 16

coi việc tăng cường hợp tác an ninh Nhật-Mỹ trong thế kỷ XXI có tầm quan trọng đối với an ninh và phát triển kinh tế của cả khu vực chứ không phải chỉ phục vụ cho lợi ích của riêng hai nước. Phạm vi hoạt động của Lực lượng phòng vệ Nhật Bản được mở rộng. Mục tiêu của quan hệ an ninh song phương chuyển đổi từ phòng thủ để đảm bảo ổn định và ngăn chặn trong khu vực sang tăng cường dính líu vào các vấn đề khu vực để bảo đảm an ninh quốc gia mỗi bên. Như bình luận của các nhà phân tích cho thấy việc ký kết phương châm phòng thủ mới là nhằm đảm bảo những lợi ích an ninh, chính trị và kinh tế của Nhật và Mỹ như ngăn chặn sự nổi lên của Trung Quốc, kiểm soát tình hình bán đảo Triều Tiên, gây sức ép với Nga, xoá bỏ sự nghi ngại của các nước châu Á về sự phục hồi của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản...

Trật tự chính trị an ninh hiện nay trong khu vực không phải được dựa trên cơ sở cân bằng quyền lực vì Nga đã suy yếu còn Trung Quốc chưa đủ mạnh mà, như đã nói ở trên, nó được dựa trên cơ sở một phần theo kiểu bá quyền của Mỹ cùng với hệ thống các liên minh song phương của Mỹ với một số nước ở đây, đặc biệt là với Nhật Bản. Thực tế cho thấy sự hình thành và củng cố những cơ chế an ninh khu vực phụ thuộc nhiều vào liên minh Nhật- Mỹ. Mặc dù sự bá quyền của Mỹ cũng không được hoan nghênh trong khu vực nhưng nó có thể được dễ chấp nhận hơn nếu được thể chế hoá thông qua các liên minh song phương và các thoả thuận khu vực.

Xét về tổng thể, cơ chế an ninh ở Đông Á là một cơ chế đan xen, cài lồng. Do sự khác biệt về chế độ chính trị, truyền thống lịch sử, văn hoá và trình độ phát triển kinh tế nên cơ chế an ninh của khu vực này không thể theo khuôn mẫu của châu Âu. Việc thiết lập cơ chế an ninh nhiều bên toàn khu vực và ở các tiểu khu vực diễn ra chậm chạp, quanh co. Tuy nhiên, thiết lập cơ chế an ninh chung cho Đông Á là nhận

thức và nguyện vọng của nhiều nước trong khu vực. Cơ chế này đang trong giai đoạn tìm tòi, sáng tạo. Có thể thấy rằng trong thời gian qua các cuộc đối thoại và hiệp thương an ninh nhiều kênh nhiều tầng đã có bước tiến triển nhất định. Một số cuộc đối thoại và hợp tác an ninh mang tính cơ chế và trong phạm vi tiểu khu vực đang được mở rộng và tăng cường hơn, điển hình là ở Đông Nam Á. Vấn đề cơ chế an ninh Đông Bắc Á cũng đang được đặt ra. Ý tưởng về cơ chế đó có thể thấy qua đề xuất của Tổng thống Nga Yelsin đề nghị triệu tập Hội nghị hiệp thương nhiều bên Đông Bắc Á năm 1992, của Ngoại trưởng Mỹ Lord khuyến khích “Đông Bắc Á cần có một diễn đàn như ở Đông Nam Á” năm 1993, hay của Nhật Bản với đề nghị lập “Diễn đàn an ninh Đông Bắc Á” năm 1994. Để giải quyết vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên và vấn đề thống nhất hai miền cơ chế thời kỳ chiến tranh lạnh 4 + 2 (Mỹ, Trung Quốc, Liên Xô, Nhật Bản, hai miền Triều Tiên) đã chuyển thành cơ chế 2 + 4 (trong đó Nga thay thế vị trí của Liên Xô cũ), tức là Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc đã giành được quyền chủ đạo và với sự tham gia của 4 nước lớn. Bên cạnh đó còn có Tổ chức hợp tác Thượng Hải 6 (SCO) được hình thành năm 2001 bao gồm Nga, Trung Quốc, Kazakhstan, Kirghistan, Tadgikistan và Udobekistan. Đây là một tổ chức khu vực đa phương mở, tiến hành hợp tác trước hết là giữa các thành viên trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, đang đóng góp vào việc duy trì hoà bình và ổn định của khu vực.

Nhìn chung, các cuộc đối thoại và hợp tác an ninh ở Đông Á đều phản ánh được tính phức tạp đa dạng của khu vực. Các hình thức đối thoại và hợp tác phong phú, nhiều kênh, nhiều tầng đang thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau và hy vọng rằng chúng sẽ tạo dần niềm tin, tạo cơ sở để đi đến thoả thuận về một cơ chế an ninh chung cho cả khu vực trong tương lai./.